TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 12/2021/HS-ST**
Ngày**: 04/2/2021**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- Thư ký phiên tòa:Ông Phạm Văn Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện K,tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 04tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số:10/2021/TLST-HS ngày 18tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 đối với cácbị cáo:

1.Phạm Văn S,Giới tính:Nam; Sinh năm: 1973; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12

Bố đẻ: Phạm Văn C; Sinh năm: 1926 (Đã chết);Mẹ đẻ: Phạm Thị D; Sinh năm: 1931; Gia đình có 11 anh, chị, em. Bị cáo là con thứ 9; Vợ: Cao Thị P1, sinh năm 1977 (Đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: không.Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2020 đến nay.Có mặt tại phiên tòa.

2.Nguyễn Văn P,Giới tính: Nam; Sinh năm: 1979; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 7, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12.

Bố đẻ: Nguyễn Văn Đ1;Sinh năm: 1944; Mẹ đẻ: Phạm Thị L, sinh năm: 1948; Gia đình có 7 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 4;Vợ: Trần Thị L1, sinh năm: 1980; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền sự: không. Tiền án: Bản án số 11/2017/HSST ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt Nguyễn Văn P 8.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội "Đánh bạc". Ngày 15/5/2020 Nguyễn Văn P thi hành xong bản án chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt tại phiên tòa.

3.Cao Văn N,Sinh năm: 1977; giới tính: nam; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12.

Bố đẻ: Cao Văn K, sinh năm: 1957 (Đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị N1; Sinh năm: 1952; Gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Hoàng Thị Thanh N2, sinh năm: 1982; Con: có 01 con, sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4.Phạm Văn T;Giới tính: Nam; Sinh năm: 1977; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12.

Bố đẻ: Phạm Văn C; sinh năm: 1926 (Đã chết); Mẹ đẻ: Phạm Thị D;Sinh năm: 1931; Gia đình có 11 anh, chị, em. Bị cáo là con thứ 11; Vợ: Trần Thị P2, sinh năm: 1978; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: không. Lịch sử bản thân: Bản án số 37/2007/HSST ngày 22/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt Phạm Văn T 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, phạt bổ sung 4.000.000 đồng và 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm về tội Đánh bạc. Ngày 08/9/2011 Phạm Văn T đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt tại phiên tòa.

5.Nguyễn Văn Đ; Giới tính: Nam; sinh năm: 1987; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 6, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Nguyễn Văn Đ2, sinh năm: 1954; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T1,sinh năm: 1954; Gia đình có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Trần Thị Thu H, sinh năm: 1995; Con: có 01 con, sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

6.Phạm Văn T2; Giới tính: Nam; sinh năm: 1988; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12.

Bố đẻ: Phạm Như H1, sinh năm: 1955 (Đã chết); Mẹ đẻ: Trần Thị K, sinh năm: 1957; Gia đình có 07 anh, chị, em,bị cáo là con thứ 4; Vợ: Nguyễn Thanh T3, sinh năm: 1992; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Phạm Văn X**, giới tính: Nam; Sinh năm: 1984; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không ;Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ học vấn: 1/12.

Bố đẻ: Phạm Văn T4 (Đã chết); Mẹ đẻ: Lã Thị T5, sinh năm: 1950; gia đình có 02 anh, em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Lê Thị T6,sinh năm: 1985; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt tại phiên tòa.

8.Phạm Văn L, sinh năm, 1980; Giới tính: Nam; Nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: xóm 5, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Phạm Đình Q (Đã chết); Mẹ đẻ: Lại Thị N3, sinh năm: 1940; Gia đình có 05 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Lương Thị H2, sinh năm: 1990; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: không.Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/10/2020 đến ngày 04/11/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng17 giờ ngày 29/10/2020, Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L đang có hành vi đánh bạc tại nhà Phạm Văn S ở xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Thu trên chiếu bạc số tiền 17.750.000 đồng, 01 bộ bài lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa.Thu giữ trên người X số tiền 1.540.000 đồng; trên người Đ số tiền 1.560.000đ; trên người T số tiền 3.700.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ 07 điện thoại di động các loại.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K Phạm Văn S, Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Sáng ngày 29/10/2020,Phạm Văn S rủ Phạm Văn X và Phạm Văn T2 trưa về nhà S ăn cơm thì T2 và X đồng ý; trên đường về S thì gặp Phạm Văn T là em S nhà ở liền kề nên cũng rủ T cùng ăn cơm trưa, lúc này tại nhà T có Cao Văn N đang ngồi chơi cùng T nên T rủ N cùng sang nhà S ăn cơm, N cũng đồng ý sang ăn cùng. Khoảng 11 giờ cùng ngày T, X và N sang nhà Sủng làm cơm trưa. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày khi cả nhóm đang ăn thì có

Nguyễn Văn Đ đến nhà S chơi và ngồi ăn cơm cùng uống rượu, sau đó T2 mới đến cùng ăn cơm . Đến khoảng 12 giờ 30 cùng ngày thì Nguyễn Văn P có đến chơi và cùng ăn cơm uống rượu. Khi cả nhómđang ăn uốngthì S nói "*Uống xong anh em có làm tý không?*" ý S hỏi cả nhóm sau khi ăn uống có đánh bạc không; cả nhóm đồng ý gồm X, T, N, Đ, T2 và P đều nhất trí;sau đó N dùng điện thoại gọi cho Phạm Văn L rủ đến nhà S uống rượu và đánh bạc thì L đồng ý; một lúc sau L đi bộ từ nhà đến nhà S ăn uống cùng cả nhóm.

Sau khi ăn uống xong, đến khoảng 13 giờ cùng ngày T, X, P, Đ, N, L, T2 cùng thống nhất đánh bạc đồng thời nhờ S đi mua 01 bài tú lơ khơ 52 quân về để đánh bạc. Cả nhóm thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền, mỗi ván góp gà là 50.000 đồng, tố thêm tối đa là 500.000 đồng; các đối tượng cũng thống nhất ván bài nào người chơi được "sáp"(có ba quân bài giống nhau) hoặc "liêng đồng hoa" (các quân bài liền nhau, đồng chất) thì sẽ trích lại 100.000 đồng để đưa cho S; S ngồi xem không tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc L, X, P và Đ được "sáp" và "Liêng đồng hoa"nên đã đưa cho S tổng số tiền là 600.000 đồng. Cả nhóm đánh bạc đến 17 giờ cùng ngày thì bị Công an tỉnh Ninh Bình phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra: Phạm Văn S giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền là 600.000 đồng và 01 điện thoại di động; kết quả điều tra cũng xác định: số tiền thu giữ trên người X1.540.000 đồng dùng để đánh bạc; số tiền thu giữ trên người Đ 1.560.000 đồng được sử dụng để đánh bạc; số tiền thu giữ trên người T 3.700.000 đồng thì trong đó 1.000.000 đồng là tiền thắng bạc nếu thua sẽ tiếp tục dùng để đánh bạc.Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 22.450.000đ.

Các vật chứng gồm: tiền 25.150.000đ; 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0984.053.456; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp sim số 0946.461.034; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen sim số 0973.319.567 và 0912.121.576; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0886.781.277 và 0963.415.973; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lắp sim số 0963.299.559; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0787.396.954; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp 02 sim số thuê bao 0856.755.409 và 0386.493.625; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone màu xám lắp sim số 0979.095.772 đã chuyển cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện K để giải quyết theo vụ án.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày18/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tốbị cáo Phạm Văn S về tội "Gá bạc" quy định tại Điểm c Khoản 1, 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L về tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1, 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Gá bạc".

Căn cứ Điểm c Khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo S từ 15-18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng; phạt bổ sung bị cáo từ 25 đến 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L phạm tội "Đánh bạc"

+ Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 6 đến 9 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành hình phạt; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 29/11/2020 đến 04/11/2020; phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 321 các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn N từ 45 đến 50 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 321 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 40 đến 45 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 321 các điểm i, s khoản 1 Điều 51,Điều 35 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáoNguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L mỗi bị cáotừ 30 đến 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106, Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa;

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0886.781.277 và 0963.415.973; 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0787.396.954.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nướcsố tiền 22.450.000đ.

+ Trả lại cho bị cáo T số tiền 2.700.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0984.053.456 và01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp sim số 0946.461.034; nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen sim số 0973.319.567 và 0912.121.576; nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+Trả lại cho bị cáo T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lắp sim số 0963.299.559; nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp 02 sim số thuê bao 0856.755.409 và 0386.493.625; nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo Sủng 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone màu xám lắp sim số 0979.095.772 nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- Buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, không có ý kiến bào chữa, không có ý kiến tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn S khai: tr□a ngày 29/10/2020, bị cáo đã rủ Cao Văn N, Phạm Văn T, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, đến nhà S chơi ăn cơm; sau đó có Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Đ tự đến chơi ăn cơm cùng.Tại đây trong lúc ăn cơm uống r□ợu bị cáo có hỏi những ng□ời có tên trên "*Uống xong anh em có làm tý không?*" ý S hỏi cả nhóm sau khi ăn uống có đánh bạc không; thì cả nhóm đồng ý gồm X, T, N, Đ, T2 và P đều nhất trí;sau đó N dùng điện thoại gọi cho Phạm Văn L rủ đến nhà S uống rượu và đánh bạc, một lúc sau L đi bộ từ nhà đến nhà S ăn uống sau đó cả nhóm rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi " liêng" ăn thua bằng tiền nhờ S đi mua 02 bộ tú lơ khơ, để các đối tượng trên đánh bạc. Từ khi các đối tượng trên chơi cho đến khi bị bắt, S đã nhận tiền "hồ" của các đối tượng là 600.000đ.

Các bị cáo Cao Văn N, Phạm Văn T, Phạm Văn T2, Phạm Văn X tại phiên tòa đều xác nhận nội dung lời khai của bị cáo S là đúng thực tế diễn ra ngày 29/10/ 2020.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn P tại phiên tòa đều khai ngày 29/10/ 2020, tự đến chơi nhà bị cáo S thấy cả nhóm uống rượu được mời đãtham gia ăn uống cùng, sau đó được gợi ý đánh bạc nên tự nguyện tham gia.

Bị cáo Phạm Văn L xác nhận khi được bị cáo N gọi điện đến uống rượu sau đó đánh bạc khi đến đã thấy các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X đang ngồi ăn cơm uống rượu tự nguyện tham gia ăn uống và đánh bạc sau đó.

Các bị cáo tại phiên tòa đều khai: cả nhóm thống nhất đánh bạc nhờ bị cáo Sủng đi mua bài tú lơ khơ, chơi bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền, mỗi ván góp gà là 50.000 đồng, tố thêm tối đa là 500.000 đồng; các đối tượng cũng thống nhất ván bài nào người chơi được "sáp" (có ba quân bài giống nhau) hoặc "liêng đồng hoa" (các quân bài liền nhau, đồng chất) thì sẽ trích lại 100.000 đồng để đưa cho S; S ngồi xem không tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc L, X, P và Đ được "sáp" và "Liêng đồng hoa"nên đã đưa cho S tổng số tiền là 600.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc đến 17 giờ thì bị bắt quả tang.

Các bị cáo tại phiên tòa đều khai nhận khi đánh bạc các bị cáo dùng tiền đánh bạc cụ thể như sau: bị cáo T 700.000đ, bị cáo N 2.100.000đ, bị cáo L 3.450.000đ,bị cáo P 3.500.000đ, bị cáo X 3.900.000đ, bị cáo T2 4.300.000đ bị cáo Đ có 4.500.000đ.Tổng số tiền các bị cáo huy động tham gia đánh bạclà 22.450.000đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, còn phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản phạm tội quả tang được lập hồi 17 giờ ngày 29/10/2020 và vật chứng thu giữ là 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân cùng số tiền 22.450.000đ các bị cáo sửdụng vào việc đánh bạc.

Từ những chứng cứ đó đã có đầy đủ cơ sở kết luận:Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 17 giờ ngày 29/10/2020, bị cáo Phạm Văn S đã có hành vi dùng nhà ở của mình tại xóm 2, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình cho 07 đối tượng là Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn

T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền, với số tiền đánh bạc là 22.450.000 đồng; thu tiền lời bất chính số tiền là 600.000đồng. Hành vi đó của Phạm Văn S đã phạm tội "Gá bạc" thuộc trường hợp tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên quy định tại Điểm c khoản 1Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 17 giờ ngày 29/10/2020các bị cáo Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh "Liêng" được thua bằng tiền, với tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc là 22.450.000 đồng; hành vi đó của các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" thuộc trường hợp đánh bạc được thua bằng tiền trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, chơi bài ăn tiền là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội . Do đó cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Trong vụ án này HĐXX thấy tuy có đông bị cáo tham gia nhưng không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ mà chỉ đồng phạm mang tính giản đơn; Nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra,

Đối với bị cáo Phạm Văn S là người đứng ra dùng nhà mình, chuẩn bị các điều kiện cho 07 bị cáo khác đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, chịu trách nhiệm độc lập về tội tội "gá bạc".

Đối với các bị cáo phạm tội "đánh bạc" thì thấy rằng: bị cáo P có số tiền tham gia đánh bạckhông phải là lớn nhất nhưng bị cáo đã bị kết án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội giữ vai trò thứ nhất.

Bị cáo N là đối tượng có số tiền tham gia đánh bạc gần như ít nhất nhưng chủ động rủ rê bị cáo L tham gia đánh bạc giữ vai trò thứ hai.

Bị cáo T là đối tượng có số tiền tham gia đánh bạc ít nhất, nhưngđã bị kết án về hành vi đánh bạc, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không coi đó là bài học cảnh tỉnh, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tộigiữ vai trò thứ ba.

Các bị cáo X, Đ, T2 có số tiền tham gia đánh bạc gần như nhau và thuộc nhóm có số tiền sử dụng đánh bạc lớn nhất có vai trò như nhau có vai trò thứ tư.

Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội do bị rủ rê lôi kéo giữ vai trò thứ năm.

[3] Khi lượng hình HĐXX xét thấy:Đối với các bị cáo T, X, Đ, T2, N, L; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; trừ bị cáo T các bị cáo còn lại phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo P quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội đánh bạc khi chưa được xóa án tích về tội đánh bạc là tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với bị cáo S quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội lần đầu, số tiền bị cáo thu lợi từ việc cho mượn địa điểm đánh bạc chỉ có 600.000đ không lớn, được HĐXX xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo hiện tại là bệnh nhân đang điều trị bệnh sức khỏe yếu HĐXX xác định định là tình tiết giảm nhẹ tạikhoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Xét tính chất mức độ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo như đã phân tích ở mục [2] và [3] HĐXX thấy:

Bị cáo P đã có 01 tiền án về tội đánh bạc nay tiếp tục phạm tội do cố ý nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng mới đủ điều kiện giáo dục. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 điều 321 BLHS đối với bị cáo để tăng tính nghiêm minh của pháp luật.

Bị cáo S giữ vai trò chínhphạm tội do cố ý cũng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo; tuy nhiên xét nhân thân bị cáo phạm tội lần đầu, có 01tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS và một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện áp dụng Điều 65BLHS khi xử phạt bị cáo; do đó HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, để bị cáo cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình nơi cư trú cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 điều 322 BLHS đối với bị cáo để tăng tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với các bị cáo:Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L xét mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng chỉ nên áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục và phòng ngừa.

[5]Về xử lý vật chứng đã thu giữ và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa là công cụ dùng để phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.Đối với số tiền 22.450.000đ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0886.781.277 và 0963.415.973 thu của bị cáo N và01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0787.396.954 thu của bị cáo L là phương tiện liên lạc giữa hai bị cáo để tham gia đánh bạc cần tich thu sung quỹ nhà nước

Đối với số tiền 2.700.000đ thu giữ trên người của T không sử dụng để đánh bạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0984.053.456 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp sim số 0946.461.034 thu của bị cáo T không liên quan đến vụ án nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen sim số 0973.319.567 và 0912.121.576 thu của bị cáo Đ,01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lắp sim số 0963.299.559 thu của bị cáo T2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp 02 sim số thuê bao 0856.755.409 và 0386.493.625thu của bị cáo X, 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone màu xám lắp sim số 0979.095.772 thu của bị cáo S; các vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[6] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên cơ quan điều tra Công an huyện K và Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng quy định.

[7] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 135, 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14. Các bị cáo, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Gá bạc".Các bị cáo Nguyễn Văn P, Cao Văn N, Phạm Văn T, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn T2, Phạm Văn X, Phạm Văn L phạm tội tội "Đánh bạc" .

- Căn cứ Điểm c Khoản 1, 3 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo S 18tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 tháng kể từ ngày tuyên án; phạt bổ sung bị cáo 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo S cho UBND xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn P 7 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành hình phạt; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ 29/11/2020 đến 04/11/2020; phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321;các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Cao Văn N 45 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 và Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Phạm Văn T 40 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321 các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321 các điểm i, s khoản 1 Điều 51và 35Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Phạm Văn T2 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

-Áp dụng Khoản 1 Điều 321 các điểm i, s khoản 1 Điều 51và 35Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáoPhạm Văn X 35 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321 các điểm i, s khoản 1 Điều 51và 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáoPhạm Văn L 30 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Xử lý vật chứng:Áp dụng điều 106 BLTTHSvà Điều 47 BLHS:

- Tịch thu sung quỹ nhà nướcsố tiền 22.450.000đ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu nhựa

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0886.781.277 và 0963.415.973 thu của bị cáo N và01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim số 0787.396.954 thu của bị cáo L là phương tiện liên lạc giữa hai bị cáo để tham gia đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo T số tiền 2.700.000đ thu giữ trên người bị cáo không dùng để đánh bạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0984.053.456 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen lắp sim số 0946.461.034 nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen sim số 0973.319.567 và 0912.121.576; trả lại cho bị cáo T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lắp sim số 0963.299.559;trả lại cho bị cáo X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen lắp 02 sim số thuê bao 0856.755.409 và 0386.493.625; trả lại cho bị cáo S 01 điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone màu xám lắp sim số 0979.095.772; nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND xã Y, T;
- Bị cáo;
- Lưu: HS&VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh